

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2023/HN - ST

Ngày: 02 - 8 - 2023

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết Nga
2. Ông Nguyễn Văn Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2023/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1971 (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Lê Thị P, sinh năm 1973, sinh năm 1973 (có mặt).

Cùng trú tại: Số 163/12 ấp BH2, xã BHP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T và bị đơn chị Lê Thị P thống nhất trình bày:

Anh T và chị P bắt đầu sống chung với nhau từ năm 1998, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và cũng không đăng ký kết hôn. Anh T và chị P chung sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hai người không có tiếng nói chung dẫn đến cãi vã, từ đó mạnh người nào người đó sống, không ai quan tâm gì đến ai. Nay tình cảm

không còn, không thể tiếp tục chung sống được với nhau, nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị P; chị P cũng đồng ý ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Lê Trọng Th, sinh ngày 06/11/2000 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Lê Ngọc Tn, sinh ngày 26/6/2008. Anh T và chị P thỏa thuận là anh T được quyền nuôi dưỡng cháu Ngọc Tiên.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh T và chị P không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T và chị P yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng :

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật TTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ: Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, 53, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận anh Nguyễn Ngọc Thành và chị Lê Thị P là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Ngọc Tn, sinh ngày 26/6/2008 cho anh Nguyễn Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

- Án phí: Buộc anh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn”, do bị đơn hiện đang cư trú tại xã Bình Hòa Phước, huyện Long Hồ, căn cứ vào quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Do anh Nguyễn Ngọc T và chị Lê Thị P sống chung với nhau từ năm 1998, nhưng không có đăng ký kết hôn, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, anh T và chị P đồng ý thuận tình ly hôn với nhau, nhưng Tòa án không công nhận sự thuận tình ly hôn này mà xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị P.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Lê Trọng Th, sinh ngày 06/11/2000 Nguyễn Lê Ngọc Tn, sinh ngày 26/6/2008, cháu Th đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét. Đối với cháu Tn có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh T, chị P cũng đồng ý giao cháu Tn cho anh T nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự phát triển về mặt thể chất và tinh thần, đồng thời để đảm bảo quyền lợi của trẻ em sau khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Lê Ngọc Tn cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị P không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[5] Nợ chung: Anh T và chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Buộc anh T phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Ngọc T và chị Lê Thị P.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Ngọc Tn, sinh ngày 26/6/2008 cho anh Nguyễn Ngọc Thành tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con

3. Về tài sản chung: Anh T và chị P không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Ngọc T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005052 ngày 23/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ qua.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Ngọc Thành, chị Lê Thị P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú